TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1165/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/11/2019
V/v " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Dương Thị Lan Ngọc
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Ông Nguyễn Việt Dũng
2/ Ông Lê Thanh Hải

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hải Sâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Nguyễn Lê Hà – Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 715/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 247/2019/QĐST – HNGĐ ngày 31/10/2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Vinh Q – sinh năm 1982;

Địa chỉ: 766/92/3/8 đường C (số cũ 98/94/5A đường T), Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1982;

Địa chỉ: 766/92/3/8 đường C (số cũ 98/94/5A đường T), Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Nguyên đơn, ông Nguyễn Vinh Q trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống từ năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 101, quyển số 1/2008 ngày 12/3/2014. Sau thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, bà H thường xuyên

ghen tuông, dùng lời lẽ thô tục để chửi bới và gây chuyện với ông. Trước đây ông đã nộp đơn xin ly hôn vào tháng 6/2019 nhưng sau đó rút đơn để hòa giải hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng giữa ông và bà H không có tiếng nói chung, mâu thuẫn giữa hai bên không thể hàn gắn được. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Ông Q khai có một con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 08/4/2008. Ly hôn ông Q đồng ý giao 01 con chung cho bà H nuôi và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q khai hai bên không có.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến về các yêu cầu đã trình bày.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị H vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Vinh Q có đơn yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị H. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tư cách tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định nguyên đơn ông Nguyễn Vinh Q, bị đơn bà Nguyễn Thị H.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bà H có hộ khẩu thường trú tại quận T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân quận T là đúng thẩm quyền.

[4] Về thủ tục tố tụng: Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án lập biên bản ghi nhận về việc không hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về nội dung: nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện từ khi nguyên đơn nộp đơn ly hôn đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt để bị đơn trình bày ý kiến cũng như hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt thể hiện bị đơn không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nguyên đơn cũng đã từng nộp đơn xin ly hôn và sau đó rút đơn vì mong muốn hòa giải hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thực hiện được. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình nghĩa vợ chồng là sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nguyên đơn vẫn cương quyết ly hôn thể hiện nguyên đơn không muốn tiếp tục chung sống với bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn khai có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 08/4/2008. Khi ly hôn ông Q yêu cầu được giao con chung cho bà H nuôi và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận định: Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến nhưng vắng mặt không lý do, theo lời trình bày của nguyên đơn thì hiện nay bị đơn là người đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, nguyện vọng của cháu Quỳnh A là muốn được sinh sống với mẹ. Do đó xét thấy yêu cầu giao con chung của nguyên đơn cho bị đơn nuôi là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bị đơn vắng mặt và không có ý kiến trình bày nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nguyên đơn.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có.

Án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; căn cứ điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân ông Nguyễn Vinh Q được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

Về quan hệ con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi một con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 08/4/2008, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Q do bà H không yêu cầu.

Ông Nguyễn Vinh Q được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không được trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do ông Nguyễn Vinh Q nộp. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do ông Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0038825 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận T thành tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận T; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Lưu VP, hồ sơ.

Dương Thị Lan Ngọc